TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 86/2024/DS-PT Ngày: 29/01/2024 V/v tranh chấp: "Ranh giới quyền sử dụng đất"	

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải.**

Các Thẩm phán: Ông **Lê Thanh Vân;**

Bà **Trần Thị Kim Em.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Chí Thành** - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 01 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 308/2023/TLPT-DS ngày 01 tháng 10 năm 2023 về tranh chấp "Ranh giới quyền sử dụng đất".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 215/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 760/2023/QĐ-PT ngày 11 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn*:** Ông Huỳnh Đắc T, sinh năm 1967;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Huỳnh Trường N, sinh năm 1994; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

(Theo giấy ủy quyền được công chứng số 1489 ngày 19/11/2023).

2. Bị đơn: Ông Huỳnh Văn S, sinh năm 1979;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Trường X, sinh năm 1991; (có mặt)

Đia chỉ: 147/11/6 Trần Thị T1, Phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 30/10/2023 tại Ủy ban nhân dân

Phường D1, thành phố M, theo số chứng thực 249 quyển số 01/2023-SCT/HĐ,GD).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Võ Thị D, sinh năm 1967; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3.2. Chị Trần Ngọc Tuyết H, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Anh Lê Trường X, sinh năm 1991; (có mặt)

Đia chỉ: 147/11/6 Trần Thị T1, Phường I, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

(Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 30/10/2023 tại Ủy ban nhân dân Phường D1, thành phố M, theo số chứng thực 249 quyển số 01/2023-SCT/HĐ,GD).

4. Người kháng cáo: Nguyên đơn ông Huỳnh Đắc T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo án sơ thẩm;

** Nguyên đơn ông Huỳnh Đắc T trình bày:*

Ông có đứng tên thửa đất số 473, tờ bản đồ 9, diện tích 1.913,9m², loại đất trồng cây lâu năm + đất ở tại nông thôn, đất tọa lạc ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: H05789 ngày 25/9/2008 cấp cho Huỳnh Đắc T và Võ Thị D đứng tên, nguồn gốc đất là do cha ông để lại. Giáp ranh đất về hướng Đông và hướng Nam phần đất của ông, bà là đất của ông Huỳnh Văn S.

Quá trình sử dụng đất, do giữa ông và phía ông S có tranh chấp nên ông có mời địa chính huyện xuống đo đạc lại phần đất của ông, thì phát hiện ông bị mất đất, cụ thể: Cạnh hướng Đông khoảng 150m² (chiều dài khoảng 52,8m, chiều ngang hướng Bắc khoảng 0,5m, chiều ngang hướng Nam khoảng 02m) và cạnh hướng Nam chiều ngang 02m, chiều dài hết đất, loại đất trồng cây lâu năm, thuộc thửa số 473, tờ bản đồ 9, diện tích 1.913,9m², tọa lạc ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp số H05789 ngày 25/9/2008 cấp cho Huỳnh Đắc T và Võ Thị D đứng tên.

Qua khảo sát và đo đạc thực tế (có bản vẽ đính kèm), thì phần đất tranh chấp có tổng diện tích là 158,9m^2 (bao gồm: phần số 2, phần số 3 và số 5).

Ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc phía ông S phải trả lại phần đất đã lấn chiếm thực tế là 158,9m^2, yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

** Bị đơn ông Huỳnh Văn S trình bày:*

Ông và bà Trần Thị Tuyết H có đứng tên thửa đất số 804, tờ bản đồ 9, diện

tích 1.139,1m², loại đất trồng lúa, được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CS08610 ngày 14/7/2020 cấp cho Huỳnh Văn S và Trần Ngọc T2 Hồng đứng tên và thửa đất số 474, tờ bản đồ 9, diện tích 938,5m², loại đất trồng cây lâu năm + đất ở tại nông thôn, được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ cấp GCN: CH00084 ngày 21/5/2010 cấp cho Huỳnh Văn S và Trần Ngọc Tuyết H đứng tên, đất tọa lạc ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Nguồn gốc đất là do ông bà để lại. Giáp ranh với 02 thửa đất của ông là đất của ông Huỳnh Đắc T.

Trước đây giữa đất của ông và đất của phía ông T có một lối đi chung, gia đình ông đã sử dụng lối đi này từ xưa đến nay để đi vào phần đất ruộng của gia đình. Giữa đất của ông và đất của phía ông T có ranh giới là bụi tre và hàng rào xương rồng và bông bụp, đến năm 2017 phía ông T đã làm hàng rào trụ bê tông kéo lưới B40, ông T là người tự làm, tự xác định ranh giới giữa 02 thửa đất của ông và ông T. Giữa phía ông và phía ông T trước đây đã có mâu thuẫn nên dẫn đến tranh chấp đất đai.

Nay đối với yêu cầu khởi kiện của phía ông T, ông hoàn toàn không đồng ý, do ông không có lấn đất của phía ông T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị D trình bày: Thống nhất hoàn toàn lời trình bày của ông T.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Trần Ngọc Tuyết H trình bày: Thống nhất hoàn toàn lời trình bày của ông S, không có ý kiến gì khác bổ sung.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 215/2023/DS-ST ngày 14 tháng 7 năm 2023 của Toà án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ:

- Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 264; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng các Điều 166, Điều 175, Điều 176, Điều 186 và Điều 246 Bộ luật Dân sự;

- Áp dụng các Điều 12, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Đắc T về việc khởi kiện anh Huỳnh Văn S đòi phần đất đã lấn chiếm với diện tích đo đạc thực tế là 158,9m^2 (có họa đồ đất kèm theo).

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm. Anh T đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 675.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0026922 ngày 13/3/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang nên anh T được nhận lại số tiền là 376.000 đồng.

Ngoài ra bản án còn tuyên về phần kháng cáo của các đương sự.

Ngày 25/7/2023, nguyên đơn ông Huỳnh Đắc T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm nêu trên yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc ông S trả lại phần đất đã lấn chiếm, có diện tích 159m^2.

Ngày 05/10/2023 ông Huỳnh Đắc T gửi bản tường trình giải thích lý do năm 2017 ông xây dựng hàng rào ranh đất với ông S vì năm đó con ông là Huỳnh Trường N đánh ông S gây thương tích nên ông S ra điều kiện bên ông: Cưa bỏ hết hàng me ranh giới hướng đông giữa đất ông và đất ông S. Gỡ bỏ hàng rào lưới B40 phía sau nhà hướng nam, phải xây hàng rào hướng đông thục vô nữa mét chiều dài 52m và thục vô hướng nam 2 mét dài 35 mét và phải bồi thường 100 triệu thì ông S sẽ bãi nại cho con ông. Do lo sợ con ông bị bắt vì đánh ông S nên ông đồng ý thực hiện theo các điều kiện của ông S đưa ra. Nhưng sau khi ông S đi giám định thì con ông bị công an bắt tạm giam nên ông ngưng lại không làm hàng rào cho đến nay.

Theo kết quả đo đạc thì đất ông S thừa 139,3m^2, còn đất của ông thiếu 139,3m^2 so với diện tích giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp nên ông yêu cầu ông S trả 139,3m^2 theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 13/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện G lập tại vị trí số 2 và số 5.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông T vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo yêu cầu ông S trả lại ông T 139,3m^2 đất tại vị trí số 2 và số 5 theo sơ đồ đo đạc. Về phía bị đơn Huỳnh Văn S không chấp nhận yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của ông T. Các đương sự không thỏa thuận được việc giải quyết tranh chấp.

Đại diện VKS phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự thực hiện quyền nghĩa vụ của người tham gia tố tụng đúng luật định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: KSV nhận định đất ông S, đất ông T được cấp giấy chứng nhận QSDĐ theo luật định. Sau khi được cấp giấy, ông T xây dựng tường rào. Nhưng theo kết quả đo đạc thì phần đất ông T tại vị trí số 2 và vị trí số 5 diện tích bị thiếu 139,3m^2 nên ông T thay đổi yêu cầu kháng cáo ban đầu chỉ yêu cầu ông S trả lại 139,3m^2 là phù hợp thực tế. Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 2 Điều 308 BLTTDS chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T. Sửa

án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T buộc ông S trả lại ông T 139,3m^2 đất bên ngoài tường rào của ông T tại vị trí số 2 và số 5.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm. Nghe các đương sự trình bày ý kiến, tranh luận và đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm đề nghị. Xét thấy:

[1] Về thời hạn kháng cáo:

Ông Huỳnh Đắc T thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn luật định đúng theo các điều 217, 272, 273 và 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên chấp nhận xét xử phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp:

Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả lại phần đất giáp ranh với bị đơn bị lấn chiếm. Tranh chấp này thuộc thẩm quyền và phạm vi giải quyết theo quy định tại Điều 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 164, 166, 175, 176, 190, 245, 246, 248 của Bộ luật Dân sự; khoản 5 Điều 166, các Điều 170, 203 Luật đất đai năm 2013.

[3] Về nội dung tranh chấp và yêu cầu giải quyết:

[3.1] Nguyên đơn Huỳnh Đắc T trình bày: Ông và vợ ông là bà Võ Thị D được Ủy ban nhân dân huyện G cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 473, tờ bản đồ số 9, diện tích 1913,9m^2 tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Phần đất của ông bà nằm giáp ranh với đất của ông Huỳnh Văn S ở hướng Đông và hướng Nam. Quá trình sử dụng đất giữa Ông với ông S phát sinh tranh chấp, nên ông yêu cầu địa chính huyện đến đo đạc thì phát hiện đất ông bị mất khoảng 150m^2 do ông S lấn chiếm. Theo kết quả khảo sát đo đạc thực tế thì phần đất ông bị ông S lấn chiếm diện tích 158,9 m^2 nên ông yêu cầu ông S trả lại cho ông 158,9 m^2.

[3.2] Bị đơn Huỳnh Văn S trình bày: Ông và vợ ông Trần Ngọc Tuyết H cùng đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 804, tờ bản đồ số 9, diện tích 1.139,1 m^2 và thửa 474, tờ bản đồ số 9, diện tích 938,5 m^2 tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang. Hai thửa đất của ông giáp ranh với thửa đất của ông T. Trước đây giữa đất của ông với đất của ông T có một lối đi chung do gia đình ông sử dụng. Ranh giới đất ông với đất ông T là bụi tre và hàng rào xương rồng, bông bụp. Năm 2017, ông T tự xác định ranh giới giữa hai thửa đất và làm hàng rào bằng trụ bê tông và lưới B40.

Nay theo yêu cầu khởi kiện của ông T thì ông không đồng ý vì gia đình ông không có lấn đất của ông T.

Án sơ thẩm xử, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông T nên ông T kháng cáo: Xét yêu cầu kháng cáo của ông T nhận thấy:

[4] Thửa đất 473, tờ bản đồ số 9 của ông T diện tích 1913,9 m² giáp ranh với thửa 474, tờ bản đồ số 9 của ông S ở hướng đông diện tích 938,5 m^2 và giáp ranh với thửa 804 tờ bản đồ số 9 của ông S ở hướng nam, diện tích 1.139,1 m^2 (BL 07, 25, 28).

Ông T cho rằng thửa đất của ông đã bị ông S lấn chiếm phần ranh ở hướng đông và hướng nam theo đo đạc thực tế tại vị trí số 2 và số 5 diện tích 139,3m^2 nên yêu cầu Tòa án xử buộc ông S phải trả lại ông 139,3m^2 đất lấn chiếm.

Theo sơ đồ trích đo các thửa đất 473, 474 và 804 do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G lập ngày 13/4/2023 thể hiện:

Phần ranh giới giữa thửa 474 và 804 của ông S giáp ranh với thửa 473 của ông T theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất được cấp đều là đường thẳng. Nhưng theo ranh giới do ông T chỉ thì nằm lệch qua thửa 474 của ông S ở hướng đông diện tích 19,6m^2 và lệch qua thửa 804 của ông S ở hướng nam diện tích 29m^2 tại vị trí số 3 và số 5. Còn phần ranh giới do ông S chỉ thì lệch qua thửa 473 của ông T ở hướng tây và hướng bắc tại vị trí số 2 diện tích 110,3m^2 (BL 81a). Trong giai đoạn phúc thẩm ông T thay đổi yêu cầu khởi kiện chỉ đòi ông S trả lại ông 139,3 m^2 tại vị trí số 2 và số 5 theo sơ đồ trích đo thửa đất ngày 13/4/2023 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện G, tỉnh Tiền Giang.

[5] Tại phiên tòa sơ thẩm ông T khai:

Phần ranh đất của ông với đất ông S, ông có xây tường đổ đà xây gạch rào lưới B40 sau khi ông được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng ông cho rằng ông xây tường tạm, chưa thỏa thuận giữa hai bên. Do đó sau khi mướn địa chính xã đo thì ước lượng đất ông bị mất khoản 150m^2 nên ông khởi kiện yêu cầu ông S trả diện tích theo kết quả thẩm định là 158,9 m^2 (BL76).

Xét yêu cầu khởi kiện của ông T đòi ông S trả lại ông 158,9 m^2 nhưng không được Tòa sơ thẩm xử chấp nhận là có cơ sở đúng quy định của pháp luật. Bởi ranh giới giữa thửa đất của ông S giáp với thửa đất của ông T đã được xây dựng tường rào ngăn cách bằng cột bê tông đà kiềng và lưới B40 vào năm 2017. Mà tường rào ngăn cách ông T thừa nhận chính ông xây dựng nên không thể nói ông S lấn ranh đất của ông T. Việc ông T cho rằng ông xây dựng tường rào ranh đất giữa ông với ông S là do ông S yêu cầu để ông S làm đơn bãi nại cho con ông đã đánh ông S gây thương tích vào năm 2017 nhưng ông S không thừa nhận còn ông T không có chứng cứ chứng minh ông bị ông S ép buộc ông xây dựng tường rào lấn vào đất của ông.

[6] Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 09 tháng 11 năm 2023 và ngày 29/01/2024, người đại diện theo ủy quyền của ông Huỳnh Đắc T là Huỳnh Trường N trình bày: Phần ranh giới thửa đất 473 của ông T với thửa đất 474 và 804 của ông S là hàng me. Năm 2017 ông T phá bỏ hàng me để xây dựng hàng rào trên hàng me nên hiện tại hàng me không còn. Chi phí xây dựng hàng rào ngăn cách ranh đất ông T với đất ông S là do ông T bỏ ra. Điều đó chứng tỏ vào năm 2017 ông T đã tự đầu tư kinh phí để xây dựng tường rào ranh giới thửa đất 473 của ông với thửa đất 474 và 804 của ông S theo sự thỏa thuận giữa hai bên nên từ đó đến năm 2021 ông T và ông S không có tranh chấp.

Theo biên bản thẩm định tại chỗ ngày 12/12/2023 và hình ảnh do người đại diện theo ủy quyền của ông S giao nộp cho Tòa án ngày 05/01/2023 thể hiện suốt chiều dài ranh giới thửa 473 của ông T với thửa 474 của ông S là hàng trụ bê tông đà kiềng nằm sát mép mương bên đất ông S. Còn toàn bộ phần ranh giới thửa 473 của ông T với thửa 804 của ông S là bức tường gạch, trụ bê tông, phía trên kéo lưới B40 là của ông T tự xây dựng. Tài liệu do UBND huyện G cung cấp theo quyết định số 75/2023/QĐ-CCTLCC ngày 29/11/2023 của TAND tỉnh Tiền Giang cũng không thể hiện khi đăng ký cấp giấy chứng nhận QSDĐ giữa ông T với ông S có ký xác định ranh giới bất động sản liền kề cho nhau.

Tại điều 176 của Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định:

"1. Chủ sở hữu bất động sản chỉ được xây dựng cột mốc hàng rào, trồng cây, xây dựng tường ngăn trên phần đất thuộc chủ quyền sử dụng của mình.

2. Các chủ sở hữu bất động sản liền kề có thể thỏa thuận với nhau về việc dựng cột mốc hàng rào, trồng cây, xây tường ngăn trên ranh giới để làm mốc giới ngăn cách giữa các bất động sản; những vật mốc này là sở hữu chung của các chủ thể đó.

Trường hợp mốc giới ngăn cách chỉ do một bên tạo nên trên ranh giới và được chủ sở hữu bất động sản liền kề đồng ý thì mốc giới ngăn cách đó là sở hữu chung. Chi phí để xây dựng do bên tạo nên chịu trừ trường hợp có thỏa thuận khác. Nếu chủ sở hữu bất động sản liền kề không đồng ý mà có lý do chính đáng thì chủ sở hữu đã xây dựng cột mốc hàng rào, trồng cây, xây dựng tường ngăn cách phải dỡ bỏ". Hiện nay ông S vẫn thống nhất ranh giới 02 thửa đất của ông với thửa đất của ông T là hàng rào trụ bê tông đà kiềng do ông T xây dựng ông yêu cầu giữ nguyên.

Do đó không có cơ sở cho rằng ông S lấn đất của ông T để buộc ông S phải trả lại đất lấn chiếm như yêu cầu khởi kiện của ông T.

Ông T kháng cáo nhưng không cung cấp bổ sung tài liệu, chứng cứ mới có giá trị pháp lý làm thay đổi nội dung, tính chất của vụ án nên không được chấp nhận. Tòa án cấp phúc thẩm vẫn giữ nguyên quyết định án sơ thẩm.

[7] Về án phí: Ông T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, dân sự phúc thẩm theo các Điều 147, 148 Bộ luật Tố tụng dân sự và các Điều 26, 29 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phân tích và đề nghị không phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên không chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 270; Điều 293; khoản 1 Điều 308; Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Huỳnh Đắc T. Giữ nguyên quyết định bản án sơ thẩm số 215/2023/DSST ngày 14/7/2023 của Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang.

- Căn cứ vào Điều 5, khoản 9 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 148, Điều 293, Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào các Điều 164, 166, 175, 176, 190, 245, 246, 248 của Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ vào khoản 5 Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào Điều 26 và Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Đắc T về việc đòi ông Huỳnh Văn S trả lại ông phần đất lấn chiếm diện tích 139,3 m^2 thuộc thửa 473, tờ bản đồ số 9 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số H05789 do Ủy ban nhân dân huyện G, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 25/9/2008 cho ông Huỳnh Đắc T và bà Võ Thị D đứng tên tại ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Về án phí:

Ông Huỳnh Đắc T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

Trả lại ông T 975.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0026922 ngày 13/3/2023 và biên lai thu số 0011560 ngày 25/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Tiền Giang.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện G;
- CC THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Mai Hoàng Khải